



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CLT-Y403Series
Các hình thức nhận dạng khác	Không có.
Công dụng đề nghị	Sản phẩm này là một hỗn hợp mực bột được sử dụng trong các hệ thống máy in.
Các giới hạn đề nghị	Không sử dụng với máy in không tương thích.

Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối
Hewlett-Packard Vietnam Ltd.
Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10,
District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon),
Việt Nam
Điện Thoại +84437245550

HP Inc. health effect line
(Toll-free within US) 1-800-457-4209
(Direct) 1-760-710-0048
HP Inc. Customer Care Line
(Toll-free within the US) 1-800-474-6836
(Direct) 1-208-323-2551
Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe Không được phân loại.
Các hiểm họa cho môi trường Không được phân loại.

Các thành phần của nhãn

Ký hiệu hiểm họa Không có.
Từ cảnh báo Không có.
Công bố hiểm họa Không có.
Thông điệp đề phòng
Phòng Ngừa Không có.
Ứng phó Không có.
Bảo Quản Không có.
Thải bỏ Không có.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại Chưa được biết.

Thông tin thêm Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Titan dioxyt		13463-67-7	<2.5
Các thành phần không nguy hiểm			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Sáp paraffin và sáp hydrocarbon		8002-74-2	<10

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải Đưa người này ra nơi có không khí trong lành ngay lập tức. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy tham vấn bác sĩ.

Tiếp xúc với da Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển hoặc vẫn còn.

Tiếp xúc với mắt	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy tham vấn bác sĩ.
Ăn phải	Rửa miệng bằng nước. Uống một đến hai cốc nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay lập tức.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Khó thở. Ho.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Điều trị triệu chứng.
Thông tin tổng quát	Đảm bảo rằng các nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, và thực hiện thận trọng để bảo vệ chính mình.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, bột, dioxit cacbon, nước dạng sương.
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ gây lan thêm lửa.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hiểm cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Lính cứu hỏa phải mặc quần áo bảo hộ đầy đủ kể cả bình thở khí nén.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp nguy hiểm.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các hiểm họa của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Không có hiểm họa cháy hoặc nổ bất thường nào đáng chú ý.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Đề xa những người không cần thiết. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Sử dụng mặt nạ đã được NIOSH/MSHA phê chuẩn sử dụng nếu có nguy cơ bị tiếp xúc với các nồng độ bụi/khói vượt quá các giới hạn tiếp xúc. Xem Mục 8 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu về Trang Thiết Bị Bảo Hộ Cá Nhân.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Tránh tạo ra bụi khi dọn dẹp. Sử dụng thiết bị điện chống nổ. Thu gom bụi bằng máy hút bụi có bộ lọc HEPA. Sản phẩm là không trộn lẫn được với nước và sẽ phát tán trên mặt nước. Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu hủy.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Giảm thiểu sinh và tích tụ bụi. Sử dụng biện pháp hút thoát khí tại chỗ. Tránh tiếp xúc lâu. Thực hiện quản lý tốt công việc trong nhà.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Bảo quản trong thùng chứa ban đầu đóng chặt. Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Bảo quản xa các vật liệu tương kỵ (xem Mục 10 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu).

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Sáp paraffin và sáp hydrocarbon (CAS 8002-74-2)	STEL	6 mg/m ³	
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	TWA	1 mg/m ³	
	STEL	10 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
	TWA	6 mg/m ³	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
		5 mg/m ³	Bụi có thể hít vào phổi.

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Sáp paraffin và sáp hydrocarbon (CAS 8002-74-2)	TWA	2 mg/m ³	Khói.

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m3	
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.		
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Cần sử dụng hệ thống thông khí chung loại tốt. Tốc độ thông khí cần phù hợp với điều kiện. Nếu có thể áp dụng, sử dụng vỏ bọc quy trình, hệ thống thoát khí xả tại chỗ hoặc các hệ thống điều khiển sản xuất khác để duy trì mức độ trong không khí xuống dưới giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị. Nếu giới hạn phơi nhiễm vẫn chưa được thiết lập, hãy duy trì mức độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận được. Nếu các biện pháp thiết kế không đủ để duy trì tập trung các hạt bụi dưới OEL, phải mang thiết bị bảo vệ đường hô hấp thích hợp. Nếu vật liệu bị xay, cắt, hoặc sử dụng trong bất kỳ hoạt động nào có thể tạo ra bụi, hãy sử dụng hệ thống thông cục bộ thích hợp để giữ mức tiếp xúc ở dưới các giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị.		
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân			
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ).		
Bảo vệ da			
Bảo vệ tay	Nên sử dụng găng tay cao su. Rửa tay sau khi thao tác.		
Khác	Phải mặc trang phục bảo hộ.		
Bảo vệ đường hô hấp	Không cần thiết bị bảo vệ đường hô hấp cá nhân trong điều kiện sử dụng bình thường.		
Các hiểm họa nhiệt	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt, khi cần thiết.		
Các lưu ý vệ sinh chung	Đề xa thực phẩm, thức uống và thức ăn gia súc. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.		

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý	Không có.
Dạng	Chất rắn. Bột mịn
Màu	Vàng.
Mùi	Không mùi
Ngưỡng phát hiện mùi	No information available
pH	Không áp dụng
Điểm chảy/điểm đông	No information available
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không áp dụng
Nhiệt Độ Bốc Cháy	Không áp dụng
Tốc độ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	Not flammable
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có.
Áp suất hơi	Không áp dụng
Tỷ khối hơi	Không áp dụng
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không tan trong nước.
Độ tan (trong các chất khác)	Partially soluble in toluene, chloroform and tetrahydrofuran
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	> 200 °C (> 392 °F)
Độ nhớt	Không áp dụng
Thông tin khác	Không có.
Các tính chất oxy hóa	Không có thông tin.
Phần trăm bay hơi	0 % Ước tính
Khối Lượng Riêng	1.2 g/ml

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không có.
Các điều kiện cần tránh	Tránh các nhiệt độ vượt quá nhiệt độ phân hủy. Tiếp xúc với các vật liệu tương kỵ.
Các vật liệu tương kỵ	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Monoxit cacbon và dioxit cacbon.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Bụi có thể kích ứng hệ hô hấp. Việc hít phải lâu ngày có thể có hại.
Tiếp xúc với da	Bụi hoặc bột có thể gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Bụi có thể gây kích ứng mắt.
Ăn phải	Được xem là có hiểm họa ăn phải thấp.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Không có.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. LD50/oral/rat >5000 mg/kg.
Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Not a known irritant. (OECD 404).
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Not a known irritant. (OECD 405).
Gây mất cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mất cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mất cảm đường hô hấp.
Gây mất cảm da	Sản phẩm này không được xem là gây mất cảm cho da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Negative Ames Test (Test strains: Salmonella typhimurium).
Khả năng gây ung thư	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)

A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.

Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)

2B Có thể gây ung thư cho người.

Độc tích sinh sản	Sản phẩm này không được xem là gây các tác dụng lên chức năng sinh sản hoặc tăng trưởng.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Hiểm họa hít phải	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.

In a study in rats (H.Muhle) by chronic inhalation exposure to a typical toner, a mild to moderate degree of lung fibrosis was observed in 92% of the rats in the concentration(16mg/m3) exposure group, and a minimal to mild degree of fibrosis was noted in 22% of the animals in the middle (4mg/m3) exposure group. But no pulmonary changes was reported in the lowest (1mg/m3) exposure group, the most relevant level to potential human exposures.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho môi trường. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là không có nguy cơ bị tràn đổ những lượng lớn hoặc thường xuyên dẫn đến tác dụng gây hại hoặc phá hủy môi trường.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp này.

Khả năng tích tụ sinh học	Không có.
Di chuyển trong đất	Không có.
Các tác dụng có hại khác	Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Không cất vụn hộp mực bột nếu không có các biện pháp phòng tránh nổ bụi. Không cho toner container vào lửa; heated toner có thể gây bỏng nặng. Không đốt. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Chương trình tái chế cung ứng phẩm Planet Partners của HP (thương hiệu) cho phép thực hiện tái chế đơn giản, thuận tiện mực in phun gốc của HP và các cung ứng phẩm LaserJet. Để biết thêm thông tin và để xác định xem dịch vụ này có sẵn tại địa phương của bạn không, vui lòng truy cập http://www.hp.com/recycle .
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Không có.
Bao bì bị ô nhiễm	Không có.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
ADR	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
Thông tin khác	Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia	<p>Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT Không được quy định.</p> <p>Việt Nam. Các hóa chất phải khai báo (Nghị định số 108/2008/ND-CP, phụ lục 5, ngày 7/10/2008, sửa đổi qua Nghị Định số 26/2011/ND-CP, 8/4/2011) Không được quy định.</p> <p>Việt Nam. Hóa Chất Độc Cản Sử Dụng Phiếu Kiểm Soát Mua Bán (Nghị định số 26/2011/ND-CP, Phụ Lục 6, ngày 8/4/2011) Không được quy định.</p> <p>Việt Nam. CWC (Nghị định số 100/2005/ND-CP, Thực hiện Công Ước Về Vũ Khí Hóa Học, Phụ Lục 1, Bảng 1-3, ngày 3/8/2005) Không được quy định.</p> <p>Việt Nam. Các Chất Ma Túy & Tiền Chất (Nghị Định 67/2001/ND-CP, Danh Sách IV, sửa đổi qua Nghị Định số 17/2011/ND-CP, 22/2/2011) Không được quy định.</p>
Các quy định quốc tế	Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.
Hiệp Ước Stockholm	Không áp dụng.
Hiệp Ước Rotterdam	Không áp dụng.
Nghị định thư Montreal	Không áp dụng.
Nghị định thư Kyoto	Không áp dụng.
Hiệp Ước Basel	Không áp dụng.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	18-Tháng-Ba-2018
Ngày sửa đổi	13-Tháng-Bảy-2018
Phiên bản số	02

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hở Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi